

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2020.

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP B-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị T

Ông Trần Văn C

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị H -Cán bộ Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. B: Bà Trần Thị T- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 506/2020/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 93/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020.

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc Q, sinh năm 1985.

- Bị đơn: Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1981.

Cùng trú tại: 28/15, khu phố 2B, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Q có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2019, các lời khai tại hồ sơ bà Bùi Thị Ngọc Q trình bày:**

Bà và ông Lâm Thanh T quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Hòa, TP B. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, nhưng sau đó trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã thường xuyên, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Đến nay mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung: Lâm Bảo N, sinh ngày 04/10/2009 và Lâm Ngọc Bảo N, sinh ngày 26/3/2013.

Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

-Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Nợ chung: Không có.

*Bị đơn ông Lâm Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc Q.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Thị Ngọc Q và ông Lâm Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ông Lâm Thanh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân TP. B tỉnh Đồng Nai tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, do đó Tòa án không thu thập được lời khai của ông Lâm Thanh T và không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét bà Bùi Thị Ngọc Q là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về Nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc Q và ông Lâm Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Q, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Từ đó dẫn đến vợ chồng xích mích, hay xảy ra cãi vã thường xuyên, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được. Vì vậy nay bà làm đơn xin ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ theo quy định các giấy triệu tập làm việc, thông báo hòa giải để tiến hành hòa giải đoàn tụ, ông Lâm Thanh T trực tiếp ký nhận

các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ông đã bỏ mặc và không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Thị Ngọc Q.

[2]Về con chung: Có hai con chung: Lâm Bảo N, sinh ngày 04/10/2009 và Lâm Ngọc Bảo N, sinh ngày 26/3/2013.

Ly hôn, bà Q xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã lấy lời khai của hai cháu, cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống với bà Q, ông T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến gì. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà Q. Giao hai con cho bà Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lâm Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lâm Thanh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3]Về tài sản chung và nợ chung: Do không thu thập được lời khai của Lâm Thanh T nên không có cơ sở để xác định tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, và vì bà Bùi Thị Ngọc Q không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét tại phiên tòa hôm nay. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện dân sự khác.

[4]Về án phí HNGĐ-ST: Bà Bùi Thị Ngọc Q phải chịu tiền án phí xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc Q.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị Ngọc Q và ông Lâm Thanh T.

- **Về con chung** Giao hai con chung Lâm Bảo Nam, sinh ngày 04/10/2009 và Lâm Ngọc Bảo Nhi, sinh ngày 26/3/2013 cho bà Bùi Thị Ngọc Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lâm Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lâm Thanh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không đặt ra xem xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc Q phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Bùi Thị Ngọc Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008177 ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh;

-VKSND Tp B;

-Các đương sự;

-Thi hành án;

-Lưu hồ sơ, Vp.

-Cơ quan đã thực hiện
việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các hội thẩm nhân dân Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND Tp B;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp.
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

